

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay

Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Khả Đ – sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khả Đ là: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang B – sinh năm: 1971 và bà Đặng Thị L – sinh năm: 1979;

Cùng ĐKKHTT: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 22/3/2023 vợ chồng ông Lê Khả Đ và bà Nguyễn Thị N có cho vợ chồng ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn, kinh doanh. Quá trình vay tiền thì ngày 12/6/2023 ông B bà L đã trả cho vợ chồng ông Đ bà N số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 240.000.000 đồng thì vợ chồng ông B bà L hẹn trả làm 02 lần cụ thể:

Ngày 22/6/2023 (Dương lịch) trả 90.000.000 đồng.

Ngày 12/7/2023 (Dương lịch) trả 150.000.000 đồng.

Quá trình cam kết trả nợ thì vợ chồng ông B bà L mới chỉ trả cho vợ chồng ông Đ bà N 155.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 215.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại số tiền 85.000.000 đồng. Để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông Đ bà N theo quy định của pháp luật. Nay ông Đ bà N đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông B bà L phải thanh toán số tiền nợ 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Quang B bà Đặng Thị L: Đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B bà L không gửi văn bản ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định ông Nguyễn Quang B bà Đặng Thị L có vay và còn nợ của ông Lê Khả Đ bà Nguyễn Thị N số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*). Do đó, việc ông Đ bà N yêu cầu là có căn cứ, đề nghị HĐXX buộc ông B bà L phải trả cho ông Đ bà N số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*). Về lãi suất: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Khả Đ và bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L trả tiền vay, nhận thấy đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông B bà L cư trú tại phường Q, thành phố Sầm Sơn, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quang B bà Đặng Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ ba đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông B bà L.

[3]. Về nội dung: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác để biết những vấn đề cụ thể mà ông Lê Khả Đ và bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được triệu tập đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, thể hiện thái độ không hợp tác khi được Tòa án triệu tập làm việc. Do ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào giấy vay tiền, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L có vay của ông Lê Khả Đ và bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000.000 đồng không tính lãi suất và không ghi thời hạn trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 12/6/2023 ông B bà L mới trả cho ông Đ bà N được số tiền 60.000.000 đồng và cam kết ngày 22/6/2023 trả 90.000.000 đồng, ngày 12/7/2023 trả 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện cam

kết thì ông B bà L đã trả được 155.000.000 đồng, số tiền này khi trả các bên không lập biên bản, tuy nhiên việc thừa nhận này của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận. Tổng số tiền ông B bà L đã trả cho ông Đ bà N là 215.000.000 đồng.

Xét thấy tại hợp đồng vay (thể hiện tại giấy vay tiền) giữa ông Đ bà N và ông B bà L được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình vay do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay, theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó ông Đ bà N khởi kiện yêu cầu ông B bà L có trách nhiệm trả vốn vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Hợp đồng vay không có thỏa thuận về lãi suất và nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Quang B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khả Đ bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Khả Đ và bà Nguyễn Thị N số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Đ bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B bà L chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông B bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quang B và bà Đặng Thị L phải L đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.082.000 đồng (*Một triệu không trăm tám hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001158 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TP. Sầm Sơn;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND TP. Sầm Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng